

UBND THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS HUNG ĐẠO

Đông Triều, ngày 23 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung học cơ sở Hưng Đạo, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Thủ Dương - Phường Hưng Đạo - Thành phố Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 02033.870.386

- Địa chỉ thư điện tử: thcschungdao@dongtrieu.edu.vn

- Trang thông tin điện tử: thcschungdao.dongtrieu.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân thành phố Đông Triều.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, nề nếp, chất lượng giáo dục tốt, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2028, Trường THCS Hưng Đạo đảm bảo đầy đủ các điều kiện đề nghị công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục Cấp độ 3. Tạo dựng được môi trường học tập lành mạnh, nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục tốt và bền vững, để mỗi học sinh có kiến thức, có tri thức vững vàng bước vào trường trung học phổ thông, trường trung cấp nghề.

4.3. Giá trị cốt lõi

Đoàn kết - Hợp tác; Trách nhiệm - Trung thực; Sáng tạo - Khát vọng vươn lên

4.4. Phương châm hành động

Chất lượng đội ngũ quyết định hiệu quả giáo dục. Đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Hưng Đạo tiền thân là trường Cấp II xã Hưng Đạo được thành lập năm 1964, trong bối cảnh chiến tranh ác liệt, khi đất nước đang phải đối mặt với bao khó khăn, gian khổ. Buổi đầu mới thành lập, trường có hai lớp 5, một lớp 6 với hơn 100 học sinh. Năm học ấy, nhà giáo Mạc Thanh được cấp trên điều về làm Hiệu trưởng nhà trường. Trường có 3 phòng học cấp 4 được xây dựng trên sườn núi Thủ Dương.

Năm 1980, thực hiện cải cách giáo dục, trường Cấp II Hưng Đạo sáp nhập với trường Cấp I đổi tên thành trường PTCS Hưng Đạo. Mô hình này kéo dài đến năm 1994, theo yêu cầu cải tiến của Bộ GD&ĐT, khối cấp II của trường PTCS được tách ra thành trường THCS Hưng Đạo cho đến ngày nay.

Hiệu trưởng nhà trường qua các thời kỳ: Từ sau thời điểm nhà giáo Mạc Thanh giữ chức vụ Hiệu trưởng, còn có thầy Phụng, thầy Trần Quý, thầy Uyển giữ chức vụ là Hiệu trưởng đến năm 1975. Từ năm 1975 đến năm 1978, nhà giáo Nguyễn Thành Phô giữ chức vụ Hiệu trưởng. Từ năm 1978 đến năm 1983, nhà giáo Trần Quang Hàm giữ chức vụ Hiệu trưởng. Từ năm 1983 đến năm 2006, nhà giáo Nguyễn Sỹ Bằng giữ chức vụ Hiệu trưởng. Từ năm 2006 đến năm 2009, nhà giáo Nguyễn Văn Bầy giữ chức vụ Hiệu trưởng. Từ năm 2009 đến năm 2012, nhà giáo Nguyễn Tiến Dũng giữ chức vụ Hiệu trưởng. Từ năm 2012 đến năm 2020, nhà giáo Hoàng Ánh Tuyết giữ chức vụ Hiệu trưởng. Từ năm 2020, nhà giáo Trần Thị Thắm giữ chức vụ Hiệu trưởng.

Quá trình xây dựng và phát triển, nhiều thầy cô giáo đã giữ trọng trách Phó hiệu trưởng nhà trường: thầy Nguyễn Sỹ Bằng trong giai đoạn 1978-1983; thầy Vương Văn Sen giai đoạn 1983-1987, 1988-2009; cô Vũ Thị Hương giai đoạn 1987-1988; cô Hoàng Ánh Tuyết giai đoạn 2009-2012; cô Bùi Thị Thu Thủy giai đoạn 2012-2017; thầy Hồ Trung Minh giai đoạn 2017-2024; thầy Trần Đức Quyền giữ chức vụ Phó hiệu trưởng từ năm 2024.

Những năm đầu thành lập, CSVN nhà trường vô vàn khó khăn, điều kiện giảng dạy và học tập hết sức khắc nghiệt. Năm 1965 máy bay giặc Mỹ bắn phá cầu Cầm, thầy và trò nhà trường phải sơ tán vào nhà dân để tiếp tục giảng dạy, học tập. Trong điều kiện ấy, các thầy cô giáo và các em học sinh đã nỗ lực xây dựng trường THCS Hưng Đạo không chỉ là nơi đào tạo kiến thức, mà còn là ngôi trường nuôi dưỡng lòng yêu quê hương, tinh thần kiên trung, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hàng trăm người con của Hưng Đạo đã lên đường chiến đấu, trong đó có nhiều thầy cô giáo và học sinh từng học tập, công tác tại trường, có những người đã anh dũng hy sinh hoặc để lại một phần xương máu nơi chiến trường, mãi là niềm tự hào của mái trường. Nhiều thế hệ học sinh trưởng thành từ mái trường này đã gặt hái thành công trong cuộc sống, được giao trọng trách lớn trong các cơ quan Đảng, Nhà nước; là các nhà lãnh đạo, chủ doanh nghiệp, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ

trang, bác sĩ, giáo viên, là những người lao động chân chính đã và đang góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước.

Theo dòng chảy của thời gian, hoà với trào lưu đổi mới của đất nước, qua từng năm học, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, cảnh quan sư phạm... của nhà trường không ngừng đổi mới, phát triển. Năm 2012, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, trường THCS Hưng Đạo đã được xây dựng mới trên diện tích hơn 16.000 m² với dãy nhà học 3 tầng đẹp đẽ, khang trang, các phòng học được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị ứng dụng CNTT để tổ chức các hoạt động giáo dục. Khu hiệu bộ, các phòng chức năng và khu giáo dục thể chất đã tạo dựng môi trường học tập thân thiện cho nhiều thế hệ học sinh. Với CSVC thuận lợi, cùng với việc nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục, trường THCS Hưng Đạo đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia lần đầu tiên vào năm 2013 và hiện nay được công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia Mức độ I giai đoạn 2023-2028.

Nhà trường đã đẩy mạnh phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” như một bước đột phá. Chất lượng giáo dục toàn diện hàng năm luôn duy trì ổn định ở mức cao, số lượng học sinh giỏi các cấp có sự chuyển biến tích cực. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đã trở thành thế mạnh và niềm tự hào của nhà trường, là minh chứng cho sự phát triển toàn diện của học sinh. Nhà trường luôn đứng ở vị trí tốp đầu về số lượng học sinh đạt giải cấp thành phố và cấp tỉnh.

Trong năm học 2023-2024, tỷ lệ học sinh khá, giỏi của trường đạt trên 70%. Đặc biệt, có 20 học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp thành phố, 4 học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh, cùng nhiều học sinh giành huy chương trong Hội khỏe Phù Đổng các cấp. Điểm sáng nổi bật là học sinh của trường lần thứ hai được giữ vị trí thủ khoa trong kỳ thi tuyển sinh lớp 10 tại hội đồng thi THPT Đông Triều.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, trường THCS Hưng Đạo đã đạt nhiều thành tích nổi bật. Là Đơn vị đạt danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc nhiều năm, được UBND Tỉnh tặng Bằng khen, UBND thành phố và Sở GD&ĐT tặng Giấy khen. Những thành tích này đã khẳng định sự tâm huyết và cống hiến bền bỉ của các thế hệ thầy cô giáo và học sinh nhà trường.

Năm học 2024-2025, trường có tổng số 515 học sinh, quy mô 13 lớp; 29 cán bộ, giáo viên và nhân viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo; cơ sở vật chất của nhà trường từng bước phát triển đồng bộ, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và triển khai hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tháng 6 năm 2024 nhà trường tiếp tục được nhận bàn giao và đưa vào sử dụng khối phòng

học bộ môn môn 3 tầng với đầy đủ các phòng học và phòng chức năng theo quy định của Bộ GD&ĐT¹.

Trong thời gian tới nhà trường sẽ tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học. Đặc biệt, nhà trường chú trọng phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội nhằm xây dựng một môi trường giáo dục không chỉ chú trọng thành tích học tập mà còn nuôi dưỡng những học sinh biết yêu thương, sống có trách nhiệm và cống hiến cho quê hương, đất nước.

Trường THCS Hưng Đạo đã và đang khẳng định vị thế vững mạnh trong sự nghiệp giáo dục của địa phương. Với nền tảng vững chắc và những kết quả đã đạt được, trường THCS Hưng Đạo sẽ tiếp tục vươn xa, đóng góp vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo thế hệ học sinh ưu tú, đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại. Tự hào với quá khứ, hướng tới tương lai, ngôi trường sẽ mãi là nơi ươm mầm cho những ước mơ, những khát vọng.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Trần Thị Thắm

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Hưng Đạo - khu Thủ Dương, phường Hưng Đạo, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 0982346287

Địa chỉ email: thcs.hd.tttham@dongtrieu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định thành lập trường: Theo lịch sử Đảng bộ và Nhân dân xã Hưng Đạo (1930-2010);

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách các thành viên hội đồng trường: Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 29/7/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc thành lập Hội đồng trường của trường THCS Hưng Đạo nhiệm kỳ 2023-2028; Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 29/7/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường đối với trường THCS Hưng đạo, nhiệm kỳ 2023-2028; Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND thị xã Đông Triều Về việc kiện toàn Hội đồng Trường đối với trường THCS Hưng Đạo nhiệm kỳ 2023-2028;

- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thị xã Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý; Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày

¹ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 23 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT đáp ứng tiêu chí đánh giá trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại thông tư 18/2018/TT-BGDĐT

28/8/2024 của UBND thị xã Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THCS Hưng Đạo: Quyết định số 810/QĐ-TrTHCS ngày 06/9/2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THCS Hưng Đạo.

- Các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng; Quyết định điều chỉnh, bổ sung biên chế các thành viên sinh hoạt tại tổ chuyên môn của trường THCS Hưng Đạo.

- Sơ đồ bộ tổ chức bộ máy nhà trường.

8. Các văn bản khác:

- Phương hướng chiến lược phát triển trường THCS Hưng Đạo giai đoạn 2023 – 2028 số 730/PHCL-TrTHCS ngày 20/10/2023

- Quy chế dân chủ: Quyết định số 922/QĐ-HĐT ngày 01/10/2024 về việc Ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ sở trường THCS Hưng Đạo.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Về số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29		1	28	0		
I	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (Giáo viên THCS)							
1	Toán	5		1	4			
2	Ngữ văn	3			3			
3	Vật lí	1			1			
	Hóa học	1			1			
	Sinh học	2			2			
4	Lịch sử	2			2			
	Địa lí	1			1			
5	GDCD	1			1			
6	Ngoại ngữ	2			2			
7	GDTC	2			2			
8	Tin học	1			1			
9	Âm nhạc	1			1			
	Mĩ thuật	1			1			
10	Công nghệ	1			1			
II	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (Nhân viên)							
1	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1			
2	Nhân viên Giáo vụ							
3	Nhân viên Tư vấn học sinh							

4	Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật							
III	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1			
IV	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung							
1	Nhân viên Thư viện, QTCS	1			1			
2	Nhân viên Văn thư, KT, TQ, YT	1			1			
V	Nhóm vị trí việc hỗ trợ, phục vụ							
1	Nhân viên Vệ sinh	1						1
2	Nhân viên Bảo vệ	2						2

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

STT	Nội dung	Hạng CDNN			Chuẩn nghề nghiệp			
		Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	9	15		21	3		
I	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Giáo viên THCS							
1	Toán	1	4		4	1		
2	Ngữ văn	1	2		3			
3	Vật lí	1			1			
	Hóa học		1			1		
	Sinh học	1	1		2			
4	Lịch sử	1			1			
	Địa lí	1			1			
5	GDCD		1		1			
6	Ngoại ngữ		2		2			
7	GDTC		1		1			
8	Tin học	1			1			
9	Âm nhạc	1			1			
	Mĩ thuật		1			1		
10	Công nghệ	1			1			
II	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Hiệu trưởng		1		1			
2	Phó hiệu trưởng		1		1			

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Tổng số	Đã hoàn thành CTBD	Chưa hoàn thành CTBD	Ghi chú
	Tổng số giáo viên, cán bộ	4	24		

	quản lý và nhân viên				
I	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Giáo viên THCS				
1	Toán	5	5		
2	Ngữ văn	3	3		
3	Vật lí	1	1		
	Hóa học	1	1		
	Sinh học	2	2		
4	Lịch sử	1	1		
	Địa lí	1	1		
5	GDCD	1	1		
6	Ngoại ngữ	2	2		
7	GDTC	1	1		
8	Tin học	1	1		
9	Âm nhạc	1	1		
	Mĩ thuật	1	1		
10	Công nghệ	1	1		
II	Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý				
1	Hiệu trưởng	1	1		
2	Phó hiệu trưởng	1	1		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (m²)			
1	Điểm trường	0		
2	Diện tích bình quân tối thiểu cho một HS đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định	16.001,2	31 m ² /hs	Đạt

2. Các hạng mục công trình

STT	Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
-----	----------	----------	--------------------------------	---------

II	Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	1	Đạt	Mức 2
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	Đạt	Mức 2
3	Văn phòng	1	Đạt	Mức 2
4	Phòng bảo vệ	1	Đạt	Mức 2
5	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	Đạt	Mức 2
6	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	Đạt	Mức 2
7	Phòng Công đoàn	1	Đạt	Mức 2
III	Khối phòng học học tập			
1	Phòng học	13	Đạt	Mức 2
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	Đạt	Mức 2
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	Đạt	Mức 2
4	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	Đạt	Mức 2
5	Phòng học bộ môn KHTN	2	Đạt	Mức 2
6	Phòng học bộ môn Tin học	1	Đạt	Mức 2
7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	Đạt	Mức 2
8	Phòng đa chức năng	1	Đạt	Mức 2
9	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	1	Đạt	Mức 2
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện	1	Đạt	Mức 2
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	Đạt	Mức 2
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	Đạt	Mức 2
4	Phòng Đoàn, Đội	1	Đạt	Mức 2
5	Phòng truyền thống	1	Đạt	Mức 2
V	Khối phụ trợ		Đạt	Mức 2
1	Phòng họp toàn thể CBGVNV	1	Đạt	Mức 2
2	Phòng các tổ chuyên môn	2	Đạt	Mức 2
3	Phòng y tế	1	Đạt	Mức 2
4	Nhà kho	1	Đạt	Mức 2
5	Khu vệ sinh học sinh	1	Đạt	Mức 2
6	Nhà xe học sinh	1	Đạt	Mức 2
7	Phòng nghỉ giáo viên	2	Đạt	Mức 2
8	Cổng, tường rào	Có	Đạt	Mức 2
9	Phòng giáo viên	1	Đạt	Mức 2
VI	Khu sân chơi, thể dục thể thao		9000m	
1	Sân chơi	1	Đạt	Mức 2
2	Sân thể dục thể thao	1	Đạt	Mức 2
3	Nhà tập đa năng	0	Đạt	Mức 1
VII	Khối phục vụ sinh hoạt			

VIII	Hạ tầng kĩ thuật			
1	Hệ thống cấp nước sạch	1	Đạt	Mức 2
2	Hệ thống cấp điện	1	Đạt	Mức 2
3	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	1	Đạt	Mức 2
4	Hạ tầng CNTT	1	Đạt	Mức 2
5	Khu thu gom rác thải	1	Đạt	Mức 2

3. Thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị	So với yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
IX	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định				
1	Khối lớp 6	0	Bộ	chưa đạt	Tận dụng TBDH theo chương trình GDPT 2006 và TBDH tự làm hàng năm. Đang thực hiện quy trình mua sắm TBDH theo chương trình GDPT 2018
2	Khối lớp 7	0	Bộ	chưa đạt	Tận dụng TBDH theo chương trình GDPT 2006 và TBDH tự làm hàng năm. Đang thực hiện quy trình mua sắm TBDH theo chương trình GDPT 2018
3	Khối lớp 8	0	Bộ	chưa đạt	Tận dụng TBDH theo chương trình GDPT 2006 và TBDH tự làm hàng năm. Đang thực hiện quy trình mua sắm TBDH theo chương trình GDPT 2018
4	Khối lớp 9	0	Bộ	chưa đạt	Tận dụng TBDH theo chương trình GDPT 2006 và TBDH tự làm hàng năm. Đang thực hiện quy trình mua sắm TBDH theo chương trình GDPT 2018

4. Sách giáo khoa

a. Danh mục sách giáo khoa lớp 6

STT	Tên sách/bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương (<i>Tập 1,2</i>)	
2	Toán 6 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang. (<i>Tập 1, Tập 2</i>)	Đại học sư phạm
3	Tiếng Anh 6 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 6 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Lê Minh Cẩm, Ngô Ngọc Hoa, Lê Thị Phương Hoa, Phan Thị Thanh Hội, Đỗ Thanh Hữu, Cao Tiên Khoa, Lê thị Thanh, Nguyễn Đức Trường, Trương Anh	Đại học Sư phạm

		Tuần	
5	Lịch sử và Địa lí 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Đinh Bảo Ngọc (Chủ biên phần Lịch sử), Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Hoàng Anh Tuấn, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Vũ Thị Hằng, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 6 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hường, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Đại học Sư phạm
9	Tin học 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Phan Anh, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6 (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (Cánh Diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

b. Danh mục sách giáo khoa lớp 7

STT	Tên sách/bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương (<i>Tập một</i>)	Giáo dục Việt Nam
		Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu. (<i>Tập hai</i>)	
2	Toán 7 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang. (<i>Tập</i>	Đại học sư phạm

		<i>1, Tập 2)</i>	
3	Tiếng Anh 7 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 7 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Đào Tuân Đạt, Phan Thị Thanh Hội, Ngô Văn Hưng, Đỗ Thanh Hữu, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Phạm Xuân Quê, Trương Anh Tuấn, Ngô Văn Vụ.	Đại học Sư phạm
5	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 7 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hường, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Đại học Sư phạm
9	Tin học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thi Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7 (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.	Đại học Sư phạm TP Hồ

	nghiệp 7 (Cánh Điều)		Chí Minh
--	-------------------------	--	----------

c. Danh mục sách giáo khoa lớp 8

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương (Tập một) Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương . (Tập hai),	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8 (Cánh Điều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang. (Tập 1, Tập 2)	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
3	Tiếng Anh 8 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 8 (Cánh Điều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Lê Thị Phương, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý, Đào Văn Toàn, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tuyết, Ngô Văn Vụ.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
5	Lịch sử và Địa lí 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Thu Phương, Phí Công Việt.	
6	Giáo dục công dân 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lâm, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 8 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
9	Tin học 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8 (Cánh Diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Cánh Diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)

d. Danh mục sách giáo khoa lớp 9

STT	Môn	Tên sách (Bộ sách)	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên tổ chức, cá nhân (NXB, Công ty....)
1	Toán	Toán 9, Tập 1 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
		Toán 9, Tập 2 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
2	Khoa học tự nhiên	Khoa học tự nhiên 9 Cánh Diều	Đinh Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Oanh, Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Lê Mạnh Cường, Phạm Thủy Giang, Vũ Thị Bích Huyền, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Đức Long, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Đinh Trần Phương, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tươi, Dương Bá Vũ, Ngô Văn Vự.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
3	Tin học	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Công nghệ	Công nghệ 9 - Định hướng nghề	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn	Tên sách (Bộ sách)	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên tổ chức, cá nhân (NXB, Công ty....)
		nghệ nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống		
		Công nghệ 9 - Mô đun Trồng cây ăn quả Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đông Huy Giới (Chủ biên), Bùi Thị Thu Hương, Đào Quang Nghị.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghệ nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghệ nghiệp 9 Cánh Điều	Nguyễn Đức Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thuý Quỳnh, Bùi Thanh Xuân	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại
6	Ngữ Văn	Ngữ Văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Ngữ Văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lý	Lịch sử và Địa lý 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nguyễn Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn	Tên sách (Bộ sách)	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên tổ chức, cá nhân (NXB, Công ty....)
			Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	
8	Giáo dục công dân	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên); Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Nghệ thuật	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10		Mĩ thuật 9 Cánh Diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hong Thắm	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Su Phạm)
11	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 9 Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Su phạm)
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 9 i- Learn Smart	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	Công ty TNHH Education Solutions Việt

STT	Môn	Tên sách (Bộ sách)	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên tổ chức, cá nhân (NXB, Công ty....)
		World		Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 250/QĐ-SGDĐT ngày 22/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo) và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 1753/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

Kế hoạch tự đánh giá năm học 2024-2025 số 864/KH-HĐTĐG ngày 20/9/2024, được điều chỉnh tại Kế hoạch số 114/KH-HĐTĐG ngày 04/02/2025 ; Báo cáo tự đánh giá năm học 2024-2025 số 566/BC-TrTHCS ngày 31/5/2025.

Kế hoạch số 834/KH-TrTHCS ngày 12/9/2024 kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025 của trường THCS Hưng Đạo. Báo cáo số 565/BC-TrTHCS ngày 31/5/2025 kết quả cải tiến chất lượng năm học 2024-2025.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin kết quả giáo dục thực tế năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Thông tin chung:	13	4	3	3	3
1	Kết quả tuyển sinh	151	151			
2	Tổng số học sinh theo từng khối	515	151	140	115	109
3	Số HS bình quân/lớp theo từng khối	39,6	37,7	46,6	38,3	36,3
4	Số lượng HS học 02 buổi/ngày	0	0	0	0	0
5	Số lượng HS nam/ HS nữ	253/262	80/71	66/74	62/53	45/64
6	Số HS là người dân tộc thiểu số	02	02	0	0	0
7	Số HS khuyết tật	09	2	4	2	
8	Số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận HS:					
	+ Số lượng HS chuyển đi	04	2	2		
	+ Số lượng HS tiếp nhận chuyển đến	03	1	1	1	
II	Thông kê kết quả đánh giá học sinh	515	151	140	115	109
	1. Số HS chia theo Hạnh kiểm/ Rèn luyện	515	151	140	115	109
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	512	150 99.34%	139 99.29%	114 99,13%	109 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	03	1 0,66%	1 0.71%	1 0.87%	0
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
	2. Số HS chia theo Học lực/ Học tập	515	151	140	115	109
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	132	41	34	20	37

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
			27.15%	24.29%	17.39%	33.94%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	249	72 47.68%	70 50%	62 53,91%	45 41.28%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	134	38 25.17%	36 25.71%	33 28.7%	27 24,77%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
	3. Tổng hợp kết quả cuối năm	515	151	140	115	109
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	515 100%	151 100%	140 100%	114 100%	109 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	13 2.52%	3 1,99%	3 2,14%	4 3,48%	3 2,75%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	119 23.11%	38 25.17%	31 22,14%	16 13.91%	34 31.19%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Số lượng HS được công nhận hoàn thành chương trình	109				109
IV	Số lượng HS được cấp bằng tốt nghiệp	109				109
	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
V	Số lượng HS trúng tuyển vào các CSGD nghề nghiệp (Tỉ lệ/Số học sinh)					

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình thu – chi tài chính năm 2024

Kết quả thu chi hoạt động của đơn vị năm 2024, cụ thể:

Số TT	Nội dung	Năm 2024 (Năm báo cáo)	Năm 2023 (Năm trước liền kề)
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	1.136.760.000	1.239.000.000
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.136.760.000	1.239.000.000
1	Số thu phí, lệ phí	1.136.760.000	1.239.000.000
a	Học phí	300.000	573.300.000

b	Thu từ cấp bù học phí	1.136.460.000	667.700.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.136.760.000	1.239.000.000
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.136.760.000	1.239.000.000
a	Chi lương	694.763.096	586.623.230
b	Chi hoạt động	441.997.904	652.376.770
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
I	Nguồn ngân sách trong nước		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.523.388.059	3.366.458.145
-	Quỹ tiền lương	3.176.191.500	2.899.612.748
-	Chi hoạt động	1.347.196.559	466.845.397
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.756.934.200	1.065.229.563
-	Cấp bù, hỗ trợ miễn giảm học phí	1.136.460.000	692.700.000
-	Hỗ trợ chi phí học tập	28.200.000	22.050.000
-	Hỗ trợ Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	107.007.200	75.487.200
-	Kinh phí tiền thưởng NĐ 73	136.340.000	0
-	Hỗ trợ chi trả tiền lương bảo vệ, phục vụ	89.856.000	52.852.000
-	Kinh phí bồi dưỡng thường xuyên	9.200.000	31.600.000
-	Kinh phí mua bổ sung sách thư viện	26.805.000	28.128.000
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa CSVC	223.066.000	142.447.000
-	Chi công tác PCCC	0	19.965.363

2. Về chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND	41	27.450.000	

Học kỳ 2 năm học 2023-2024	19	14.250.000	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	22	13.200.000	
Đối tượng được hỗ trợ học phí: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND	49	12.000.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	29	7.200.000	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	20	4.800.000	
Đối tượng được hỗ trợ học phí: Theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND	495	118.800.000	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	495	118.800.000	

3. Số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho bạc			
2.1	Tài khoản 3713.0.1038429.00000	Đồng	7.855.570	Tiền bảo hành công trình, CSSKBĐ
2.2	Tài khoản 3716.3.1038429.00000	Đồng	0	Tiền gửi học phí
2.3	Tài khoản 3713.0.1038429.94001	Đồng	15.389.338	Tiền gửi quỹ PTHĐSN
2.4	Tài khoản 3713.0.1038429.94005	Đồng	16.767.073	Tiền gửi quỹ khen thưởng
2.5	Tài khoản 3713.0.1038429.94006	Đồng	10.104.486	Tiền gửi quỹ phúc lợi
2.6	Tài khoản 3713.0.1038429.94007	Đồng	0	Tiền gửi quỹ bổ sung thu nhập

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện chương trình giáo dục

Nhà trường đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục bảo đảm đúng quy định khung 35 tuần. Việc thực hiện Chương trình GDPT 2018 được hoàn thành ở tất cả các khối lớp, với trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng công tác hướng nghiệp, ôn tập cho học sinh lớp 9 nhằm nâng cao kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

2. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

Công tác đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh được triển khai thường xuyên, hiệu quả. Các tổ chuyên môn tích cực vận dụng các hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy học và kiểm tra đánh giá.

3. Đảm bảo điều kiện chất lượng giáo dục

Nhà trường quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, khai thác hiệu quả phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục. Công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, an ninh trật tự được thực hiện nghiêm túc, nền nếp.

4. Thi đua và tổ chức sự kiện giáo dục

Các phong trào thi đua được tổ chức thiết thực, hiệu quả, gắn với các sự kiện lớn như: kỷ niệm 60 năm thành lập trường và thành lập Thành phố Đông Triều. Lễ kỷ niệm 60 năm được tổ chức trang trọng, tiết kiệm, mang giá trị giáo dục sâu sắc, tạo dấu ấn tích cực trong cộng đồng và cổ vũ tinh thần thi đua dạy tốt – học tốt trong toàn trường.

5. Chuyển đổi số trong giáo dục

Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng CNTT, thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp. Các nội dung công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT được thực hiện đầy đủ, minh bạch trên cổng thông tin điện tử của trường. Công tác thu, chi tài chính đảm bảo công khai, minh bạch, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CBGVNV nhà trường (t/h)
- Công khai trên cổng TTĐT nhà trường
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thắm